TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/DSST
Ngày: 07-02-2025
"V/v Tranh chấp kiện đòi lại tài sản và bồi thường thiệt về tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh;
2. Bà Nguyễn Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao không tham gia phiên toà.

Ngày 07/02/2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 131/2024/TLST-DS ngày 08/10/2024 về việc "Tranh chấp kiện đòi lại tài sản và bồi thường thiệt về tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-DS, ngày 08 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn T - sinh năm 1955 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp G, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.
2. Bị đơn: Ông Dương Việt N - sinh năm 1979 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp G, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/10/2024 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Văn T trình bày: Vào tháng 10 năm 2022 thì tôi có nuôi 33 con vịt đẻ và cùng thời điểm đó ông N có cho vịt ăn đồng chổ nhà tôi. Khi đó ông N có lùa lộn của tôi 17 con vịt. Khi ông N lùa lộn vịt của tôi thì tôi có nói chuyện với ông N nhưng ông N đã bán hết vịt của ông N và bán luôn 17 con vịt đã lùa lộn của tôi. Lúc đó ông N đồng ý bồi thường lại tiền 17 con vịt cho tôi và tôi cũng thống nhất nên không có ý kiến gì. Thời điểm đó giá vịt là 75.000 đồng/1 con. Sau khi ông N hứa sẽ trả lại số tiền đã bán vịt của tôi cho tôi nhưng mãi đến tết năm 2024 thì vợ ông N có đem tiền lại trả nhưng chỉ trả giá 45.000 đồng/1 con vịt. Vì vậy, tôi không thống nhất, sau đó

tôi cũng có gửi đơn đến chính quyền địa phương giải quyết kết quả không thành và tôi tiếp tục gửi đơn lên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay tôi xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền trứng vịt là 7.545.000 đồng.

Do đó, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Dương Việt N phải trả cho tôi tổng số tiền là 7.500.000 đồng (trong đó: Tiền 17 con vịt x 75.000 đồng/1 con =1.275.000 đồng và 6.225.000 đồng tiền trứng vịt) và trả một lần hết số tiền này.

Tại bản tự khai đề ngày 11/11/2024 và tại phiên tòa bị đơn ông D việt N trình bày: Tôi thừa nhận có lùa lộn của ông T 17 còn vịt vào vụ hè thu nhưng năm nào thì tôi không nhớ. Nay nguyên đơn trình bày là vào tháng 10 năm 2022 thì tôi cũng thống nhất là tôi lùa lộn và bán vịt vào ngày 01 tháng 10 năm 2022. Sau khi tôi lùa lộn vịt của ông T thì ông T có nói cho tôi biết nên tôi cũng thừa nhận và đồng ý trả tiền cho ông T. Do lúc đó hoàn cảnh khó khăn nên tôi chưa đem tiền trả lại liền cho ông T là lỗi của tôi. Sau đó vài tháng thì vợ tôi có đem tiền lại nhà ông T trả tiền mỗi 1 con vịt là 50.000 đồng thì ông T không thống nhất. Do đó để kéo dài đến nay.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu tôi trả cho ông số tiền là 7.500.000 đồng thì không đồng ý mà tôi đồng trả cho ông T số tiền là 3.000.000 đồng (trong đó tiền 17 con vịt là: 17 x 75.000đ/con = 1.275.000 đồng và bồi thường thêm số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 1.725.000 đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Lê Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Dương Việt N phải trả cho ông số tiền 17 con vịt do ông N lùa lộn và bồi thường tiền trứng vịt nên quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp kiện đòi lại tài sản và bồi thường thiệt về tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Hai bên đương sự đã thừa nhận là ông Dương Việt N có lùa lộn vịt của ông Lê Văn T là 17 con vịt đẻ là đúng sự thật. Đồng thời, ông T yêu cầu ông N phải trả giá trị mỗi con vịt là 75.000 đồng/con thì ông N cũng đồng ý trả theo yêu cầu của ông T nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện này của các đương sự. Tuy nhiên, khi ông N lùa lộn vịt của ông T và ông T có báo cho ông N biết vào ngày 01 tháng 10 năm 2022 thì ông N cũng đồng ý trả tiền 17 con vịt lại cho ông T nhưng ông N không thực hiện mà kéo dài đến nay là vi phạm nghĩa vụ chậm thực hiện trả tiền theo quy định tại Điều 353 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Xét về yêu cầu bồi thường trứng vịt của ông T thì HĐXX thấy rằng: Vào ngày 01 tháng 10 năm 2022, sau khi ông N có lùa lộn vịt của ông T thì ông T phát hiện và báo cho ông N biết. Tại thời điểm đó, hai bên đã thống nhất với nhau là ông N đồng

ý bồi thường tiền cho ông T số tiền tương đương giá trị bán vịt, từ đó quyền và nghĩa vụ của hai bên đã được xác lập, ông T có quyền yêu cầu ông N trả tiền bán 17 con vịt cho mình và ông N có nghĩa vụ trả tiền bán 17 con vịt cho ông T. Vì vậy, tài sản của ông T kể từ lúc xác lập là tiền bán vịt chứ không phải là con vịt, do đó ông T yêu cầu bồi thưởng tiền trứng vịt cho ông là không có cơ sở chấp nhận.

Hơn nữa, các đương sự xác lập quyền và nghĩa vụ với nhau vào ngày 01 tháng 10 năm 2022 nhưng ông N không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên cần buộc ông N phải thực hiện nghĩa vụ chậm trả tiền theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Do đó, tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "1. *Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.*

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này".

Đối chiếu với quy định trên thì chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được tính như sau: Từ ngày 01/10/2022 đến ngày xét xử là ngày 07/02/2025 là 29 tháng 06 ngày: (1.275.000 đồng x 0,83%) x 29 tháng 06 ngày = 313.947,5 đồng.

Tổng cộng hai khoản là: 1.275.000 đồng + 313.947,5 đồng = 1.588.947,5 đồng ông N phải trả cho ông T.

Tuy ông T không yêu cầu ông N phải phải thực hiện nghĩa vụ chậm trả tiền cho ông T nhưng tại phiên tòa ông N tự nguyện trả cho ông T số tiền là chậm trả là 1.725.000 đồng là có lợi cho ông T nên HĐXX ghi nhận tự nguyện này của ông N.

[3] Từ những phân tích đánh giá trên và sau khi thảo luận, nghị án HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đòi lại tài sản và bồi thường thiệt hại về tài sản của nguyên đơn ông Lê Văn T đối với bị đơn ông Dương Việt N. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Dương Việt N trả cho ông Lê Văn T số tiền là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), trong đó tiền 17 con vịt là: 17 x 75.000đ/con = 1.275.000 đồng và bồi thường tiền chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 1.725.000 đồng.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T đối với ông Dương Việt N về số tiền yêu cầu bồi thường tiền trứng vịt là 6.225.000 đồng và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông ông Lê Văn T đối với ông Dương Việt N về số tiền yêu cầu bồi thường tiền trứng vịt là 7.545.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về án phí DSST: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH1430/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Yêu cầu của ông Lê Văn T không được Tòa án chấp nhận một phần nên ông T phải chịu án phí phần yêu cầu của ông không được chấp nhận là: 6.225.000 đồng x 5% = 311.250 đồng nhưng ông T thuộc diện người cao tuổi. Do đó, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên ông T được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Do đó, ông Lê Văn T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là 370.000đ (ba trăm bảy mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006109 ngày 04/10/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Ông Dương Việt N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 11, Điều 353, Điều 357 và Điều 494 của Bộ luật dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn T đối với bị đơn ông Dương Việt N. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Dương Việt N trả cho ông Lê Văn T số tiền là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), trong đó số tiền bán 17 con vịt là: 17 x 75.000đ/con = 1.275.000 đồng và bồi thường tiền chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 1.725.000 đồng.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T đối với ông Dương Việt N về số tiền yêu cầu bồi thường tiền trứng vịt là 6.225.000 đồng và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T đối với ông Dương Việt N về số tiền yêu cầu bồi thường tiền trứng vịt là 7.545.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí DSST: Là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) buộc ông Dương Việt N phải nộp.

Yêu cầu của ông Lê Văn T không được Tòa án chấp nhận một phần nên ông T phải chịu án phí phần yêu cầu của ông không được chấp nhận là: 6.225.000 đồng x 5% = 311.250 đồng nhưng ông T thuộc diện người cao tuổi. Do đó, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên ông T được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Do đó, ông Lê Văn T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là 370.000đ (ba trăm bảy mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006109 ngày 04/10/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 07/02/2025. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a và Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Hoài Thanh